

*Đề số 3*

Tháng 4 năm 2015

Nơi nhận: LƯU KẾ TOÁN - THỐNG KẾ

1. Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 - DN)
2. Kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 - DN)
3. Lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 - DN)
4. Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09 - DN)
5. Biểu VINACOMIN

Quý I năm 2015

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (Hợp nhất)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN

Địa chỉ: Số 370, Đường Trần Quốc Tông, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Pha, Tỉnh Quảng Ninh  
Tel: 033. 3865 283 - 033. 3865 286  
Fax: 033. 3862 398

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Hợp nhất)**

Từ ngày 31 tháng 3 năm 2015

(Áp dụng cho doanh nghiệp hoạt động liên tục)

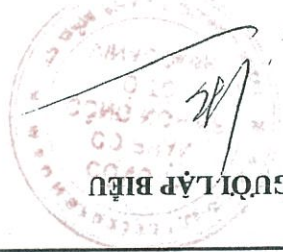
Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN		I		2		3		4		5	
		A-TÀI SẢN NGAN HẠN (100=110+120+130+140+150)		100		110		111		112	
		I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110		VI.1		1.759.596.012		3.133.365.537	
		1. Tiền		111				1.759.596.012		3.133.365.537	
		2. Các khoản tương đương tiền		112				0		0	
		II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120				0		0	
		1. Chứng khoán kinh doanh		121		VI.2a		0		0	
		2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		122				0		0	
		3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		VI.2b		0		0	
		III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130				87.202.863.351		81.809.900.587	
		1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131		VI.3		86.154.604.295		81.199.719.817	
		2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132				593.006.345		504.598.500	
		3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133				0		0	
		4. Phải thu tiền độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134				0		0	
		5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135				0		0	
		6. Phải thu ngắn hạn khác		136		VI.4		671.986.261		322.315.820	
		7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		137		VI.5		(216.733.550)		(216.733.550)	
		8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		VI.5		0		0	
		IV. Hàng tồn kho		140		VI.7		20.785.626.068		21.832.885.543	
		1. Hàng tồn kho		141				22.091.622.125		23.138.881.600	
		2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		149				(1.305.996.057)		(1.305.996.057)	
		V. Tài sản ngắn hạn khác		150				1.531.562.040		1.880.103.004	
		1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		VI.13a		1.197.886.748		1.879.799.624	
		2. Thuế GTGT được khấu trừ		152				178.851.376		0	
		3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		153		VI.17b		0		303.380	
		4. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ		154				0		0	
		5. Tài sản ngắn hạn khác		155		VI.14a		154.823.916		0	
		B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)		200				16.955.645.929		17.932.706.918	
		I. Các khoản phải thu dài hạn		210				0		0	
		1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		VI.3		0		0	
		2. Trả trước cho người bán dài hạn		212				0		0	
		3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		213				0		0	
		4. Phải thu nội bộ dài hạn		214				0		0	
		5. Phải thu về cho vay dài hạn		215				0		0	
		6. Phải thu dài hạn khác		216		VI.4b		0		0	
		7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		219				0		0	
		II. Tài sản cố định		220				16.468.688.854		17.236.182.927	
		1. Tài sản cố định hữu hình		221		VI.9		16.226.568.289		16.982.332.362	
		- Nguyên giá		222				91.483.403.590		91.483.403.590	
		- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		223				(75.256.835.301)		(74.501.071.228)	
		2. Tài sản cố định thuê tài chính		224		VI.11		0		0	
		- Nguyên giá		225				0		0	
		- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		226				0		0	
		3. Tài sản cố định vô hình		227		VI.10		242.120.565		253.850.565	

Bui Thi Lan

Nguyễn Thị Hồng Thịnh

Phạm Xuân Phi



KÊ TOÀN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Lập, ngày 24 tháng 4 năm 2015

Chi tiêu	Mã Thuyet	số minh	Số cuối kỳ (31/3/2015)	Số đầu năm (01/1/2015)
1. Tài sản thuê ngoài		24	0	0
2. Vật tư, hàng hoá nhân giữ hộ, nhân gia công, hàng viện trợ			0	0
2.1 Vật tư, hàng hoá nhân giữ hộ, nhân gia công			0	0
2.2 Vật tư, hàng hoá nhân giữ hộ khi có phân hoá			0	0
2.3 Vật tư, hàng hoá hàng viện trợ			0	0
3. Hàng hoá nhân bán hộ, nhân ký gửi, ký cược			0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý			0	0
5. Ngoại tệ các loại (USD)			1.200	1.200
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÀN

NGUỒN VỐN	Mã Thuyet	số minh	Số cuối kỳ (31/3/2015)	Số đầu năm (01/1/2015)
1. Vốn chủ sở hữu			4	5
1.3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		31.070.450	31.070.450
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		29.678.510.155	28.803.103.582
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	29.678.510.155	28.803.103.582
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.000.000.000	27.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	VI.25a	0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	VI.25a	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	VI.25a	733.418.350	733.418.350
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	VI.25a	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	VI.25a	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.25e	1.069.685.232	1.069.685.232
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	VI.25e	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	VI.25e	0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	VI.25a	875.406.573	0
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		0	0
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		875.406.573	0
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431	VI.28	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300+400)	440		128.235.293.400	126.588.961.589

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (Hộp nhất)

(Dạng đầy đủ)  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 3 tháng năm 2015

Đơn vị tính: Đồng VN

Chi tiêu	MS	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.122.316.119	677.129.424
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	VII.g	767.494.073	584.598.885
- Các khoản dự phòng	03		0	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		0	0
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.735.270)	(4.279.413)
- Chi phí lãi vay	06		52.592.331	121.530.855
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLB	08		1.938.667.253	1.378.979.751
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.726.334.676	13.584.754.028
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.047.259.475	(10.519.231.579)
- Tăng, giảm các khoản phải trả và thuê TNDN phải nộp)	11		(8.410.680.268)	(22.465.272.992)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		891.479.792	188.513.666
- Tiền lãi vay đã trả	13		(52.592.331)	(117.949.683)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(214.798.642)	(214.399.387)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		24.300.000	130.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(166.800.000)	(114.279.808)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		783.169.955	(18.148.886.004)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.160.674.750)	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.735.270	4.279.413
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.156.939.480	4.279.413
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TẠI CHINH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VIII.3	20.082.376.547	28.013.603.814
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VIII.4	(20.082.376.547)	(13.679.317.254)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(1.373.769.525)	(3.810.320.031)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.133.365.537	7.508.912.470
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		1.759.596.012	3.698.592.439

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bui Thị Lan

Nguyễn Thị Hồng Thịnh

Phạm Xuân Phi



Lưu ý: Ngày 24 tháng 4 năm 2015

- 6 **Câu trực của doanh nghiệp**  
 Công ty là một doanh nghiệp hạch toán độc lập có 1 chi nhánh Công ty có phần công nghiệp ô tô - Vinacomin tại Hà Nội.  
 Danh sách các công ty con : 1/ Chi nhánh Công ty có phần công nghiệp ô tô - Vinacomin tại Hà Nội.  
 Tuyên bố khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: có khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.
- 7
- II. **KỶ KẾ TOÀN, ĐƠN VỊ TIỀN DỪNG TRONG KẾ TOÀN**  
**Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
 Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
 Kỳ kế toán năm 2015 bắt đầu từ 1/1/2015 đến 31/3/2015.  
 Đơn vị tiền tệ công ty sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm phát sinh và thanh toán. Số dư cuối kỳ được đánh giá theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại tại thời điểm thanh toán.
- III. **CHUYÊN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1 **Chế độ kế toán áp dụng**  
 Chế độ kế toán áp dụng theo Thông tư 200/2014/ TT- BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp mới.
- 2 **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
 Công ty đã áp dụng và tuân thủ theo các quy định của 26 chuẩn mực kế toán Bộ tài chính ban hành và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- IV. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (Trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động liên tục)  
 1 **Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam:**  
 Công ty lập Báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam.

- 2 **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.**
- 3 **Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền.**
- 4 **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**  
 - Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.  
 - Căn cứ vào biên bản kiểm kê tiền mặt, bằng xác nhận số dư tiền gửi tại các ngân hàng nơi công ty mở tài khoản giao dịch.

- 5 **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:**  
 a) Chứng khoán kinh doanh;  
 b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;  
 c) Các khoản cho vay;  
 d) Đầu tư vào Công ty con; công ty liên doanh, liên kết;
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- 6 **Câu trực của doanh nghiệp**  
 Công ty là một doanh nghiệp hạch toán độc lập có 1 chi nhánh Công ty hạch toán độc lập.  
 Danh sách các công ty con : 1/ Chi nhánh Công ty có phần công nghiệp ô tô - Vinacomin tại Hà Nội.  
 Tuyên bố khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: có khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.
- 7
- II. **KỶ KẾ TOÀN, ĐƠN VỊ TIỀN DỪNG TRONG KẾ TOÀN**  
**Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
 Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
 Kỳ kế toán năm 2015 bắt đầu từ 1/1/2015 đến 31/3/2015.  
 Đơn vị tiền tệ công ty sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm phát sinh và thanh toán. Số dư cuối kỳ được đánh giá theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại tại thời điểm thanh toán.
- III. **CHUYÊN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1 **Chế độ kế toán áp dụng**  
 Chế độ kế toán áp dụng theo Thông tư 200/2014/ TT- BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp mới.
- 2 **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
 Công ty đã áp dụng và tuân thủ theo các quy định của 26 chuẩn mực kế toán Bộ tài chính ban hành và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- IV. **CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (Trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động liên tục)  
 1 **Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam:**  
 Công ty lập Báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam.

- 2 **Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.**
- 3 **Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế dùng để chiết khấu dòng tiền.**
- 4 **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**  
 - Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.  
 - Căn cứ vào biên bản kiểm kê tiền mặt, bằng xác nhận số dư tiền gửi tại các ngân hàng nơi công ty mở tài khoản giao dịch.

- 5 **Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:**  
 a) Chứng khoán kinh doanh;  
 b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;  
 c) Các khoản cho vay;  
 d) Đầu tư vào Công ty con; công ty liên doanh, liên kết;
- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

- 6 **Câu trực của doanh nghiệp**  
 Công ty là một doanh nghiệp hạch toán độc lập có 1 chi nhánh Công ty hạch toán độc lập.  
 Danh sách các công ty con : 1/ Chi nhánh Công ty có phần công nghiệp ô tô - Vinacomin tại Hà Nội.  
 Tuyên bố khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: có khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính.
- 7
- II. **KỶ KẾ TOÀN, ĐƠN VỊ TIỀN DỪNG TRONG KẾ TOÀN**  
**Kỷ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
 Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
 Kỳ kế toán năm 2015 bắt đầu từ 1/1/2015 đến 31/3/2015.  
 Đơn vị tiền tệ công ty sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm phát sinh và thanh toán. Số dư cuối kỳ được đánh giá theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại tại thời điểm thanh toán.
- III. **CHUYÊN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**\* Đối với tài sản cố định vô hình:**

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình: Căn cứ vào những tài sản không có hình thái vật chất như quyền sử dụng đất, bằng sáng chế, lợi thế thương mại...

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua sắm được xác định là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.  
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình: Công ty đang tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng của tài sản. Ước tính cụ thể như sau: Phần mềm máy tính: 06 năm.

**\* Đối với tài sản cố định hữu hình:**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuộc tài chính và các chi phí trực tiếp liên quan đến hợp đồng thuê tài chính và được khấu hao như khấu hao TSCĐ của DN là theo phương pháp đường thẳng.

**\* Đối với bất động sản đầu tư:**

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư được ghi nhận khi chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai.

**9 Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh:**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành tư cách pháp nhân độc lập, Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong các bên tham gia;

Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chi lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền tài sản các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh ban đầu; kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận là vốn chủ sở hữu

**10 Nguyên tắc kế toán thuê TNDN hoãn lại:**

- Chi phí thuê thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.  
- Chi phí thuê thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận từ số chênh lệch giữa tài sản thuê thu nhập hoãn lại được hoãn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuê thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm.

**11 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:**

- Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.  
- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán phải căn cứ vào tính chất mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý;

**12 Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:**

- Nợ phải trả: Là khoản nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả, trong mỗi đối tượng chi tiết cho từng lần tạm ứng, thanh toán. Đối với các khoản phải trả có gốc ngoài tệ khi phát sinh kế toán quy đổi ra đồng Việt nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh....

## 20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Nguyên chọn chuyển đổi trái phiếu
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái: Căn cứ Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính về ghi nhận, danh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi đã trừ đi các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trong yêu cầu các năm trước. Có thể trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**- Doanh thu bán hàng:** Là doanh thu từ sản xuất, lắp ráp, gia công, sửa chữa các sản phẩm khi Công ty đã hoàn tất thủ tục xuất hàng cho các đối tác ký kết hợp đồng sửa chữa, gia công, lắp ráp, sản xuất và khách hàng đã ghi nhận hoá đơn bán hàng căn cứ vào hồ sơ quyết toán giá trị các công việc hoàn thành trên cơ sở hợp đồng được ký kết của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ trong kỳ. Nếu sản phẩm tiêu thụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì doanh thu bán hàng là giá chưa có thuế GTGT.

**- Doanh thu cung cấp dịch vụ**  
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**- Thu nhập khác:** là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Thu từ nhượng bán thành lý tài sản cố định;

+ Chênh lệch lại do đánh giá lại vật tư, hàng hóa.

+ Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;

+ Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn;

+ Thu tiền được phát do khách hàng vì phạm hợp đồng;

+ Thu tiền bồi thường từ bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất;

+ Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;

+ Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

+ Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính doanh thu;

+ Thu nhập từ qua biên, qua tăng băng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;

+ Giá trị số hàng chuyển mại không trả lại;

+ Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên: Khi có khả năng chắc chắn thu được các khoản

tiền phải vì phạm hợp đồng, kế toán phải đến bản chất các khoản tiền phải để kế toán phù hợp với từng trường hợp cụ thể theo nguyên tắc. ...





04- Phải thu khác		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		31/03/2015	01/01/2015		
a) Các khoản phải thu ngắn hạn	671,986,251	322,315,020			
b) Các khoản phải thu dài hạn	0	0			
<b>Cộng</b>		<b>671,986,251</b>	<b>322,315,020</b>		

DVT:VN đồng

Diễn giải	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá danh giá lại	Giá gốc	Số lượng	Giá trị
a) Tiền;				
b) Hàng tồn kho;				
c) TSCĐ;				
d) Tài sản khác				

DVT: VNDồng

05- Tài sản thiếu chờ xử lý

06- Nợ xấu		Cuối năm		Đầu năm	
Nội dung	Giá trị có thể thu hồi	Đôi tương nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đôi tương nợ
<p>- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;</p> <p>(trong đó chi tiết thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng nếu khoản nợ phải thu theo từng đối tượng đó chiếm từ 10% trở lên trên tổng số nợ quá hạn);</p> <p>- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu;</p> <p>- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn.</p>					
<b>Cộng</b>					

DVT: VN đồng

9. Tàng giâm tại sản có định hữu hình:

b) Xây dựng cơ bản dở dang (Chỉ tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XD/CB)	Mua sắm				
	XD/CB				
	Sửa chữa				
	Cộng				

DVT: VN đồng

Khả năng mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TS CD khác	Cộng
Nguyên giá	47 663 984	26 815 897	16 343 043	660 477		91 483 403
Số dư đầu năm	47 663 984	26 815 897	16 343 043	660 477		91 483 403
Số tăng trong năm						
Số giảm trong năm						
- Tặng khác						
Số giảm trong năm						
- Chuyên sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Do luân chuyển thành CCDC						
Số dư đến 31/3/2015	47 663 984	26 815 897	16 343 043	660 477		91 483 403
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	41 404 797	18 426 179	14 159 193	510 900	74 501 071	228
Số tăng trong năm	329 106 192	247 357 373	160 997 301	18 303 207		755 764 073
Số giảm trong năm	329 106 192	247 357 373	160 997 301	18 303 207		755 764 073
- Khấu hao trong năm						
- Luân chuyển từ TS thuê tài chính						
- Hao mòn						
Số giảm trong năm						
- Chuyên sang BDS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển thành CC SX						

12. Tàng, giám bất động sản đầu tư:

Khả năng mục	Số đầu năm	Tàng trong năm	Giám trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất - Nhà - Nhà và quyền sử dụng đất - Cơ sở hạ tầng				
Gia trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất - Nhà - Nhà và quyền sử dụng đất - Cơ sở hạ tầng				
Gia trị còn lại				

\* Tiền thuế phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm;  
 \* Căn cứ để xác định tiền thuế phát sinh thêm;  
 \* Điều khoản gia hạn thuế hoặc quyền được mua tài sản;

11. Tàng, giám tài sản cố định thuế tài chính:

Khả năng mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	...	TSCD hình khác	Tài sản cố định vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm							
- Thuế tài chính trong năm							
- Mua lại TSCD thuế tài chính							
- Tàng khác							
- Trả lại TSCD thuế tài chính							
- Khấu hao trong năm							
- Mua lại TSCD thuế tài chính							
- Tàng khác							
- Trả lại TSCD thuế tài chính							
- Giám khác							
Số dư cuối năm							
Gia trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm							
- Thuế tài chính trong năm							
- Mua lại TSCD thuế tài chính							
- Tàng khác							
- Trả lại TSCD thuế tài chính							
- Giám khác							
Số dư cuối năm							
Gia trị còn lại							
- Tài ngày đầu năm							
- Tài ngày cuối năm							

		Năm nay		Năm trước	
Thời hạn	Tổng khoản thanh toán	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán	Trả tiền lãi thuê
	tại chính			tại chính	
Từ 1 năm					
trở xuống					
Trên 1 năm					
Trên 5 năm					

c) Các khoản nợ thuê tài chính

Nội dung		Cuối năm		Trong năm		Cuối năm	
Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn							
b) Vay dài hạn (Chi tiết theo kỳ hạn)							
Cộng							

15. Vay và nợ thuê tài chính

DVT: VN đồng

Nội dung		Cuối năm		Đầu Năm	
a. Ngân hàng	- Chi phí mua bảo hiểm;			Đánh giá lại	Giá gốc
b. Dài hạn	- Các khoản khác (nếu chi tiết nêu có thể).				
Cộng					

14. Tài sản khác

DVT: VN đồng

b) Thuế phải thu		178.851.376	303.380
- Thuế GTGT	178.851.376	0	0
- Thuế TNDN	0	0	0
- Thuế thu nhập cá nhân	0	0	0
- Thuế nhà đất	0	0	303.380
- Các loại Thuế khác	0	0	0
- Các khoản phải thu khác	0	0	0
<b>Tổng phải thu</b>		<b>178.851.376</b>	<b>303.380</b>

Chi tiêu	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số còn phải nộp cuối kỳ
a) Thuế phải nộp	694.333.173	2.774.020.298	1.439.238.235	1.804.632.947
1. Thuế giá trị gia tăng	454.346.784	2.266.889.960	1.395.513.237	1.325.723.507
2. Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0
3. Thuế xuất, nhập khẩu	0	0	0	0
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp	214.798.642	246.909.546	214.798.642	246.909.546
5. Thuế thu nhập cá nhân	25.491.127	36.120.792	50.308.645	11.303.274
6. Thuế tài nguyên	0	0	0	0
7. Tiền nhà đất và tiền thuê đất		221.100.000	0	220.796.620
8. Các loại thuế khác	0	3.000.000	3.000.000	0

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

DVT: VN đồng

Nội dung	Số cuối năm	Đầu Năm
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	593 006 345	504 598 500
- Trong Tập đoàn		
- Ngoài Tập đoàn	593.006.345	504.598.500

16.2. Trả trước cho người bán

DVT: VN đồng

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến tài sản thuế thu nhập hoãn lại
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để XD giá trị

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:  
 24- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số cuối năm  
 Đầu năm

- Các thuyết minh khác.
  - Giá trị đã mua lại trong kỳ;
  - Đối tượng được phát hành;
  - Các thuyết minh khác.
  - Giá trị đã mua lại trong kỳ;
  - Đối tượng được phát hành;
  - Mệnh giá;
22. Cổ phiếu ưu đãi là nợ phải trả

21- Trái phiếu phát hành

Số cuối kỳ  
 Đầu năm

		b) Dãi hạn
	<b>Công</b>	
	5.640.755.775	5.640.755.775
		- Dự phòng phải trả khác
		- Dự phòng tài cơ cấu;
		- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng;
	5.640.755.775	- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa;
		a) Ngân hạn
	31/03/2015	01/01/2015
Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm

20- Doanh thu chưa thực hiện

a) Ngân hạn

- Doanh thu nhận trước;
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thông;
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

**Công**

b) Dãi hạn

c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng

Cuối kỳ  
 Đầu năm

25- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của CSH	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	LNST chưa phân phối và các quỹ	Các khoản mục khác: Quỹ đầu tư phát triển	Cộng	Đơn vị tính: VND
										A
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>27.000.000.000</b>			<b>733.418.350</b>				<b>740.652.546</b>	<b>28.474.070.896</b>	
Tăng vốn trong năm trước										
Lãi trong năm trước								329.032.686		
Tăng khác										
Giảm vốn trong năm trước										
Lỗ trong năm trước										
Giảm khác										
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>27.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>733.418.350</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.069.685.232</b>	<b>28.803.103.582</b>	
Tăng vốn trong năm nay										
Lãi trong năm nay										
Tăng khác										
Giảm vốn trong năm nay										
Lỗ trong năm nay										
Giảm khác										
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>27.000.000.000</b>			<b>733.418.350</b>				<b>1.069.685.232</b>	<b>28.803.103.582</b>	





- Mua tài sản bằng cách nhận Các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc Thông qua NV cho thuê tài chính
  - Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu
  - Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu;
  - Các giao dịch phi tiền tệ khác.
1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

**VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại
  - Thu nhập thuế thu nhập DN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn lại phải trả
  - Thu nhập thuế thu nhập DN hoãn lại phải trả từ các khoản lỗ và ưu đãi thuế chưa sử dụng;
  - Thu nhập thuế thu nhập DN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
  - Thu nhập thuế thu nhập DN hoãn lại phát sinh từ các nhập tài sản Thuế thu nhập hoãn lại
  - Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn hoãn lại phải trả
  - Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại phải chịu thuế; khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.
  - Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại phát sinh từ các nhập tài sản Thuế thu nhập hoãn lại
- 11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**
- Tổng chi phí thuế thu nhập DN hiện hành
  - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay
  - Tổng chi phí thuế thu nhập DN hiện hành
- 10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**
- Chi phí thuế thu nhập DN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
  - Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay

Cộng		
83.590.280.816	57.471.739.386	
2.929.660.430	1.270.318.960	- Chi phí khác bằng tiền
1.496.874.673	331.787.305	- Chi phí DV mua ngoài
767.494.073	584.598.885	- Chi phí khấu hao TSCĐ
13.658.919.005	11.811.437.450	- Chi phí nhân công
64.737.332.635	43.473.596.786	- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
VND	VND	
Năm nay	Số đầu năm	9- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố
		- Các khoản ghi giảm khác.
		- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác;
		- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa;

- Khả năng thanh toán nợ dài hạn (Giá trị TSCĐ =  
Vốn vay/ Vay và nợ dài hạn)

**4. Tỷ suất sinh lời**

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (%)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần(%)
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn đầu tư của CSH(%)

0,40	0,68
0,87	0,92
1,88	3,24

6. Thông tin về hoạt động liên tục

7. Những thông tin khác

Dưới sự điều hành của Hội đồng quản trị và được sự giúp đỡ của tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam công ty sẽ cố gắng để sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao và trong tương lai còn phát triển hơn nữa.

**NGƯỜI LẬP BIỂU**



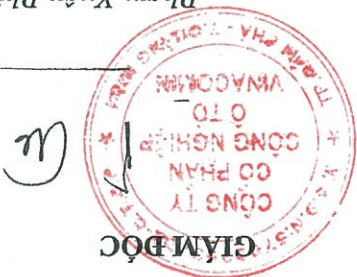
Bùi Thị Lan

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Hồng Thịnh

**GIÁM ĐỐC**



Phạm Xuân Phi

Lập ngày 24 tháng 4 năm 2015